

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
1	1.014262	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	1.014263	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3	1.014264	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
4	1.014268	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5	1.014271	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Thủ tướng Chính phủ/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
6	1.014273	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
7	1.014274	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
8	1.014276	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
9	1.014277	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
			quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.		
10	1.014278	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
11	1.014291	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
12	1.014292	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
13	1.014789	Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
14	1.014294	Chấp thuận nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc thực hiện dự án đầu tư tại khu	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm,	Địa chất và khoáng sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
		vực dự trữ khoáng sản quốc gia	đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.		

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG				
1	1.014234	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.014235	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	1.014237	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4	1.014238	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm,	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
			đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.		
5	1.014245	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	1.014246	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
7	1.014247	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
8	1.014248	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
9	1.014249	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
10	1.014250	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
11	1.014252	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
12	1.014253	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
13	1.014785	Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản	Khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Địa chất và khoáng sản	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản

1.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

** Trường hợp khu vực đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có diện tích đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng chiếm tỷ lệ diện tích lớn nhất.*

** Trường hợp khu vực đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc khu vực biển nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố; khu vực biển chưa xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có địa giới hành chính gần nhất với vị trí khu vực đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản.*

b) Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản.

c) Bước 3. Thẩm định hồ sơ

** Trong thời hạn không quá 24 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:*

- Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (trong trường hợp cần thiết). Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

- Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản nhưng tổng thời gian thực hiện không vượt quá thời gian quy định tại Bước này;

- Hoàn thiện và trình hồ sơ cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

** Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:*

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

- Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung: Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 21 ngày làm việc.

** Trường hợp khu vực đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có diện tích địa giới hành chính thuộc diện tích khu vực đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản.*

d) Bước 4. Xem xét, quyết định

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Bước 5. Trả kết quả

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò (Mẫu số 03 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);
- Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);
- Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;
- Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc);
- Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt;
- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp lại) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 15 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày

02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Việc cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản được thực hiện trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 44 của Luật Địa chất và khoáng sản, cụ thể: Trường hợp hết thời hạn thăm dò theo quy định tại điểm a khoản này, tổ chức, cá nhân chưa hoàn thành thi công khối lượng công việc theo đề án thăm dò khoáng sản vì sự kiện bất khả kháng, giấy phép thăm dò khoáng sản được xem xét cấp lại theo quy định của Luật này nhưng không quá 48 tháng và có thể được gia hạn không quá 02 lần với tổng thời gian gia hạn không quá 24 tháng.

- Nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (bao gồm cả thời gian gia hạn) cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại thời điểm giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 45 ngày. Trường hợp giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít hơn 45 ngày, người có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp bất khả kháng, trước khi xem xét cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

- Tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò đã và đang thực hiện các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 47 của Luật Địa chất và khoáng sản và quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản tính đến thời điểm cấp lại kèm theo các văn bản chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ đã được Ủy ban nhân cấp tỉnh xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ tính đến thời điểm đề nghị cấp lại giấy phép đối với giấy phép thăm dò khoáng sản.

Cụ thể gồm: Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; Thực hiện các nội dung trong giấy phép thăm dò khoáng sản. Trường hợp thăm dò vượt quá mức sâu thăm dò theo quy định của Chính phủ, bổ sung mẫu công nghệ, moong khai thác thử hoặc điều chỉnh phương pháp hoặc giảm khối lượng công tác thăm dò, tổ chức, cá nhân phải báo cáo và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện; Bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra theo quy định của pháp luật; Thông báo kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện; Thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về kiểm tra,

thanh tra, kiểm soát hoạt động thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật này, pháp luật về thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

Mẫu số 03 - Phụ lục I

*(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng.....
năm..... do..... *(tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*.....
cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do
.....*(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)*..... cấp; hoặc Quyết định thành
lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹ số..... ngày..... tháng..... năm.....
do*(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi
nhánh)*.....; hoặc Căn cước công dân² số cấp ngày.....
tháng..... năm.....

Được*(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*..... cấp Giấy phép
thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm để thăm dò*(tên
khoáng sản)*..... tại*(tên cấp xã)*.....,*(tên cấp tỉnh)*..... Diện
tích thăm dò:ha/km².

Do đã hết thời hạn, kể cả thời gian gia hạn theo quy định nhưng*(tên
tổ chức, cá nhân)* ... chưa thực hiện hết khối lượng các hạng mục thăm dò khoáng
sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm

Lý do chưa hoàn thành công tác thăm dò:

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*..... đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò
khoáng sản*(tên khoáng sản)*..... tại*(tên cấp xã)*.....,*(tên
cấp tỉnh)*.....

¹ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

² Áp dụng đối với cá nhân

Diện tích thăm dò:ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản³ kèm theo văn bản này.

Vị trí công trình thăm dò⁴:

Số hiệu	Chiều sâu	Tọa độ	Ghi chú
GK	(m)	X Y	

Thời gian thăm dò: tháng (năm), kể từ ngày được cấp Giấy phép.

Hợp đồng kinh tế số, ngày tháng năm với(tên tổ chức lập đề án thăm dò).....⁵

Mục đích sử dụng khoáng sản:

..... (Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

³ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

⁴ Áp dụng đối với trường hợp thăm dò nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên

⁵ Áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản thuê tổ chức khác lập đề án thăm dò khoáng sản

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục II

.....(TÊN BẢN ĐỒ).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)....,(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

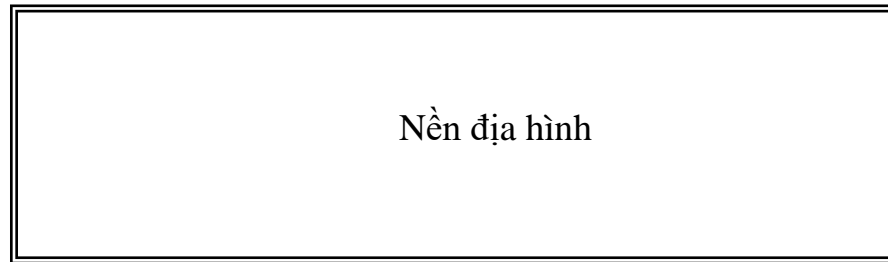
(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)

CHỈ DẪN

.....
.....
.....

Tọa độ các điểm khếp góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		



“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân⁶
.....
(Ký, đóng dấu)

⁶ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.

2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.

3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.

4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng.....
năm..... do (tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).....
cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do
.....(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành
lập văn phòng đại diện (chi nhánh)⁷ số..... ngày..... tháng..... năm.....
do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi
nhánh).....; hoặc Căn cước công dân⁸ số cấp ngày.....
tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm
dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng
sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực,(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn)
số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản
kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực

⁷ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

⁸ Áp dụng đối với cá nhân

hiện đến thời điểm báo cáo.

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO⁹

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

⁹ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
I	Công tác trắc địa					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1					
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3					
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....

**Tổ chức, cá nhân
được phép thăm dò
(Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu số 15 - Phụ lục III

(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(CẤP LẠI)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngàytháng năm nộp tại;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... được tiếp tục thăm dò khoáng sản với các thông tin như sau:

1. Loại khoáng sản:
2. Vị trí khu vực thăm dò:,(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....;

3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II¹⁰ của Giấy phép này.

4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m (nếu thấy cần thiết).

5. Phương pháp, khối lượng công tác thăm dò: theo phương pháp và khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-... ngày ... tháng ... năm ... do ...(*tên cơ quan cấp phép*)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(*tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... thành lập.

6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện công tác thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật.

3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NN&MT (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

¹⁰ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp lại) số /GP-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

2. Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản

2.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

** Trường hợp khu vực đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có diện tích đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng chiếm tỷ lệ diện tích lớn nhất.*

** Trường hợp khu vực đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc khu vực biển nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố; khu vực biển chưa xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có địa giới hành chính gần nhất với vị trí khu vực đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản.*

b) Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản.

c) Bước 3. Thẩm định hồ sơ

** Trong thời hạn không quá 16 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:*

- Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (trong trường hợp cần thiết). Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

- Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản nhưng tổng thời gian thực hiện không vượt quá thời gian quy định tại Bước này;

- Hoàn thiện và trình hồ sơ gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

** Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:*

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

- Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung: Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 21 ngày làm việc.

** Trường hợp khu vực đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có diện tích địa giới hành chính thuộc diện tích khu vực đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản.*

d) Bước 4. Xem xét, quyết định

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Bước 5. Trả kết quả

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);
- Bản chính báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;
- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc);
- Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt;
- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 13 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

2.8. Phí, lệ phí

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hecta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 45 ngày tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn. Trường hợp giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít hơn 45 ngày, người có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp bất khả kháng, trước khi xem xét gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản;

- Tổ chức, cá nhân phải thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản tại thời điểm gia hạn; trường hợp phải tiếp tục gia hạn lần 2 thì phải thực hiện được ít nhất 50% dự toán còn lại kể từ lần gia hạn trước.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;

- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 02 - Phụ lục I

*(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax.....

Được phép thăm dò *(tên khoáng sản)*..... tại*(tên cấp xã)*.....,*(tên cấp huyện)*.....,*(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng năm của *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò)*.....

Đề nghị được gia hạn thời gian thăm dò đến ngày tháng ... năm

Lý do đề nghị gia hạn:

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)* cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng.....
năm..... do (tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).....
cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do
.....(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành
lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹¹ số..... ngày..... tháng.....
năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi
nhánh).....; hoặc Căn cước công dân¹² số cấp ngày.....
tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm
dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng
sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực,(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn)
số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản
kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực

¹¹ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹² Áp dụng đối với cá nhân

hiện đến thời điểm báo cáo.

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO¹³

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

¹³ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
I	Công tác trắc địa					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1					
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3					
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....

**Tổ chức, cá nhân
được phép thăm dò
(Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu số 13 - Phụ lục III

(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(GIA HẠN)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... thángnăm.....;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngàytháng năm nộp tại;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm để(tên tổ chức, cá nhân)..... được tiếp tục thăm dò (tên khoáng sản)..... tại khu vực,(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... đến hết ngày tháng năm

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục thực hiện phương pháp, khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-UBND ngày ... tháng ... năm ... do... (*tên cơ quan cấp phép*)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(*tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... thành lập.

3. Hoàn thành việc san lấp và đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày... tháng ... năm ... của(*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NN&MT (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

3. Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản

3.1. Trình tự thực hiện

3.1.1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thay đổi tên tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản

a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

** Trường hợp khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có diện tích đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng chiếm tỷ lệ diện tích lớn nhất.*

** Trường hợp khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc khu vực biển nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố; khu vực biển chưa xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có địa giới hành chính gần nhất với vị trí khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản.*

b) Bước 2. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản.

** Trường hợp khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có diện tích địa giới hành chính thuộc diện tích khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản.*

c) Bước 3. Trả kết quả

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều

chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

3.1.2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản

a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III được lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

** Trường hợp khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có diện tích đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng chiếm tỷ lệ diện tích lớn nhất.*

** Trường hợp khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc khu vực biển nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố; khu vực biển chưa xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có địa giới hành chính gần nhất với vị trí khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản.*

b) Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản.

c) Bước 3. Thẩm định hồ sơ

** Trong thời hạn không quá 16 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:*

- Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (trong trường hợp cần thiết). Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản

xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

- Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản nhưng tổng thời gian thực hiện không vượt quá thời gian quy định tại Bước này;

- Hoàn thiện và trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

** Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:*

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

- Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung: Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 21 ngày làm việc.

** Trường hợp khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có diện tích địa giới hành chính thuộc diện tích khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản.*

d) Bước 4. Xem xét, quyết định

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Bước 5. Trả kết quả

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều

chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp thay đổi tên tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản:*

Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

** Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản:*

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết

** Trường hợp thay đổi tên tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản:*

- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định;

- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

** Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản:*

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc);

- Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt;

- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 19 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

* *Trường hợp thay đổi tên tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản:* Tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 15 ngày.

* *Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản:* Tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 45 ngày.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;

- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

Mẫu số 04 - Phụ lục I

*(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Được phép thăm dò *(tên khoáng sản¹⁴)*..... tại*(tên cấp xã)*.....,*(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số....., ngày..... tháng ... năm ... của *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*.....

Đề nghị điều chỉnh *(nội dung điều chỉnh¹⁵)*..... của Giấy phép thăm dò khoáng sản như sau:

- ... *(nội dung theo Giấy phép thăm dò đã cấp)*.....;

- ... *(nội dung đề nghị điều chỉnh)*.....;

- Diện tích trả lại:..... ha (km²)¹⁶;

- Diện tích tiếp tục thăm dò:.....ha (km²)¹⁷.

Diện tích đề nghị điều chỉnh và diện tích tiếp tục thăm dò được thể hiện bởi tọa độ các điểm khếp góc xác định tại Phụ lục I và Bản đồ ranh giới, diện tích khu vực trả lại, khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản kèm theo văn bản này¹⁸.

Lý do đề nghị điều chỉnh:

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

¹⁴ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

¹⁵ Nêu rõ các nội dung đề nghị điều chỉnh theo quy định.

¹⁶ Áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh diện tích thăm dò khoáng sản.

¹⁷ Áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh diện tích thăm dò khoáng sản.

¹⁸ Áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh diện tích thăm dò khoáng sản. Bản đồ ranh giới, diện tích khu vực trả lại, khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực đề nghị trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản		
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục II

.....(TÊN BẢN ĐỒ).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)....,(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

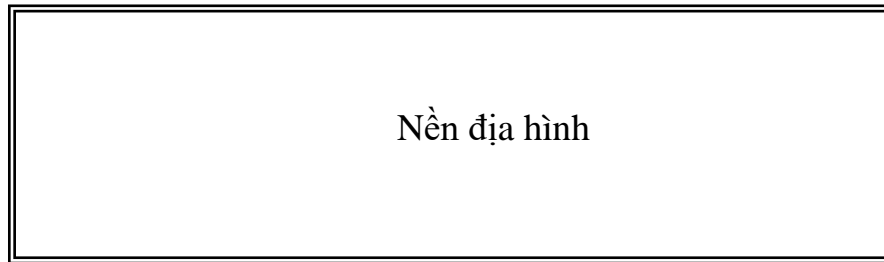
(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)

CHỈ DẪN

.....
.....
.....

Tọa độ các điểm khếp góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		



“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹⁹
.....
(Ký, đóng dấu)

¹⁹ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.

2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.

3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.

4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng.....
năm..... do (tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).....
cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do
.....(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành
lập văn phòng đại diện (chi nhánh)²⁰ số..... ngày..... tháng.....
năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi
nhánh).....; hoặc Căn cước công dân²¹ số cấp ngày.....
tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm
dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng
sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực,(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn)
số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản
kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực

²⁰ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

²¹ Áp dụng đối với cá nhân

hiện đến thời điểm báo cáo.

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO²²

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

²² Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
I	Công tác trắc địa					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1					
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3					
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....

**Tổ chức, cá nhân
được phép thăm dò
(Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu số 19 - Phụ lục III

(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... thángnăm.....;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngàytháng năm nộp tại

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh (nội dung, điều, khoản)..... quy định trong Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân)..... thăm dò ... (tên khoáng sản)..... tại(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... như sau:

.....(nội dung điều chỉnh).....

.....(nội dung điều chỉnh).....

Toạ độ, diện tích khu vực không được tiếp tục thăm dò, được tiếp tục thăm dò khoáng sản được giới hạn bởi các điểm góc có toạ độ xác định theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này²³.

Toạ độ, diện tích khu vực thăm dò khoáng sản được trả lại, được tiếp tục thăm dò khoáng sản được giới hạn bởi các điểm góc có toạ độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II²⁴ kèm theo Quyết định này²⁵.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có).
2. Tiếp tục thăm dò khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định tại Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....
3. Chấm dứt hoạt động thăm khoáng sản tại phần diện tích không được tiếp tục thăm dò và thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò theo quy định của pháp luật²⁶.
4. Chấm dứt hoạt động thăm khoáng sản tại phần diện tích được trả lại và thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò theo quy định của pháp luật²⁷.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,(*tên tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- UBND tỉnh (thành phố)....;
- Bộ NN&MT;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
- Lưu HS, VT.

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...

Phụ lục I²⁸

²³ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò

²⁴ Bản đồ ranh giới khu vực trả lại, khu vực tiếp tục thăm dò thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

²⁵ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò

²⁶ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò

²⁷ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò

²⁸ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC THĂM DÒ,
KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND

ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)...))

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực không được thăm dò khoáng sản: ...ha/km ²		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực được tiếp tục thăm dò khoáng sản: ...ha/km ²		
1		
2		
...		
n		

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực được trả lại: ...ha/km ²		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản: ...ha/km ²		
1		
2		
...		
n		

²⁹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò

4. Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

4.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

** Trường hợp khu vực đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có diện tích đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng chiếm tỷ lệ diện tích lớn nhất.*

** Trường hợp khu vực đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc khu vực biển nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố; khu vực biển chưa xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có địa giới hành chính gần nhất với vị trí khu vực đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản.*

b) Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

c) Bước 3. Thẩm định hồ sơ

** Trong thời hạn không quá 16 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:*

- Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (trong trường hợp cần thiết). Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

- Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản nhưng tổng thời gian thực hiện không vượt quá thời gian quy định tại Bước này;

- Hoàn thiện và trình hồ sơ trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

** Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:*

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

- Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung: Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 21 ngày làm việc.

** Trường hợp khu vực đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có diện tích địa giới hành chính thuộc diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản.*

d) Bước 4. Xem xét, quyết định

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không chấp thuận trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Bước 5. Trả kết quả

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp tổ chức, cá nhân chưa thực hiện hoạt động thăm dò khoáng sản:*

- Bản chính văn bản đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);
- Bản chính giấy phép thăm dò khoáng sản.

** Trường hợp tổ chức, cá nhân đã thực hiện hoạt động thăm dò khoáng sản:*

- Bản chính văn bản đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);
- Bản chính giấy phép thăm dò khoáng sản;
- Bản chính bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT);
- Bản chính báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;
- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc);
- Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt;
- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 21 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

4.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Việc trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản được thực hiện trong trường hợp giấy phép còn thời hạn nhưng tổ chức, cá nhân không thể triển khai thăm dò hoặc không thể tiếp tục thực hiện thăm dò.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

Mẫu số 05 - Phụ lục I

(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI
GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Đã được (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*)..... cho phép thăm dò khoáng sản(*tên khoáng sản*)..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng năm tại khu vực mỏ (*tên mỏ³⁰*)..... thuộc(*tên cấp xã*).....,(*tên cấp tỉnh*).....

Đề nghị được trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... nêu trên.

Lý do đề nghị trả lại:

.....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

³⁰ Tên mỏ ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản.

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục II

.....(TÊN BẢN ĐỒ).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)....,(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

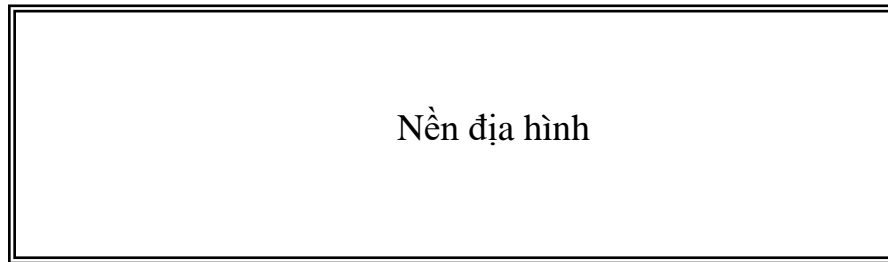
CHỈ DẪN

.....
.....
.....

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)

Tọa độ các điểm khếp góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		



“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân³¹
.....
(Ký, đóng dấu)

³¹ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.

2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.

3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.

4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng.....
năm..... do (tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).....
cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do
.....(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành
lập văn phòng đại diện (chi nhánh)³² số..... ngày..... tháng.....
năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi
nhánh).....; hoặc Căn cước công dân³³ số cấp ngày.....
tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm
dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng
sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực,(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn)
số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản
kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực

³² Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

³³ Áp dụng đối với cá nhân

hiện đến thời điểm báo cáo.

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO³⁴

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

³⁴ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
I	Công tác trắc địa					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1					
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3					
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....

**Tổ chức, cá nhân
được phép thăm dò
(Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu số 21 - Phụ lục III

(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../QĐ-UBND **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số ... 2025/TT-BNNMT ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm của

Xét hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (Tên tổ chức, cá nhân)..... được trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò) ... cấp tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực,(Tên tổ chức, cá nhân)..... phải chấm dứt hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,(*tên tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

5. Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản

5.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

** Trường hợp khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có diện tích đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản chiếm tỷ lệ diện tích lớn nhất.*

** Trường hợp khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản thuộc khu vực biển nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố; khu vực biển chưa xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có địa giới hành chính gần nhất với vị trí khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.*

b) Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

c) Bước 3. Thẩm định hồ sơ

** Trong thời hạn không quá 16 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:*

- Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (trong trường hợp cần thiết). Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

- Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung

khác có liên quan đến đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản nhưng tổng thời gian thực hiện không vượt quá thời gian quy định tại Bước này;

- Hoàn thiện và trình hồ sơ chuyên nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

** Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:*

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

- Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung: Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 21 ngày làm việc.

** Trường hợp khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có diện tích địa giới hành chính thuộc diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.*

d) Bước 4. Xem xét, quyết định

** Trường hợp chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản đất hiếm:*

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chấp thuận hoặc không chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản đất hiếm. Thời gian lấy ý kiến Thủ tướng Chính phủ không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ.

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản đất hiếm. Trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ không chấp thuận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

** Trường hợp chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản nhóm I (trừ khoáng sản đất hiếm), nhóm II, nhóm III:*

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Bước 5. Trả kết quả

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

5.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Mẫu số 06 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và việc thực hiện nghĩa vụ theo giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp tính đến thời điểm chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng (Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản sao hợp lệ hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;

- Bản sao hợp lệ của hồ sơ chứng minh năng lực tài chính quy định tại Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;

- Bản sao hợp lệ của hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản để thực hiện thăm dò khoáng sản theo giấy phép thăm dò khoáng sản trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không trực tiếp thực hiện thi công đề án thăm dò khoáng sản.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết

**** Trường hợp chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản đất hiếm:***

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định

còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc);

- Thời hạn xem xét, quyết định: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt (không tính thời gian lấy ý kiến Thủ tướng Chính phủ);

- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

** Trường hợp chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản nhóm I (trừ khoáng sản đất hiếm), nhóm II, nhóm III:*

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc);

- Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt;

- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Người có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản (chuyển nhượng) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 17 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

5.8. Phí, lệ phí

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản được xem xét cho phép chuyển nhượng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản chỉ được chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản khi đã thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản.

- Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 06 tháng, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được hồ sơ đề nghị chuyển nhượng.

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản là:

+ Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã;

+ Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam;

+ Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực hoạt động khoáng sản được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III.

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản phải có đủ năng lực tài chính để thực hiện đề án thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.

- Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 47 của Luật Địa chất và khoáng sản và quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng kèm theo các văn bản chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ; cụ thể gồm:

+ Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

+ Thực hiện các nội dung trong giấy phép thăm dò khoáng sản. Trường hợp thăm dò vượt quá mức sâu thăm dò theo quy định của Chính phủ, bổ sung mẫu công nghệ, moong khai thác thử hoặc điều chỉnh phương pháp hoặc giảm khối lượng công tác thăm dò, tổ chức, cá nhân phải báo cáo và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện;

+ Bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra theo quy định của pháp luật;

+ Thông báo kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện;

+ Thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về kiểm tra, thanh tra, kiểm soát hoạt động thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật này, pháp luật về thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nêu trên tính đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng đối với giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Nông nghiệp và môi trường.

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp quyết định thành lập văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp bên nhận chuyển nhượng là doanh nghiệp nước ngoài.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;

- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 06 - Phụ lục I

*(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*.....
.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)*.....
Trụ sở tại:
Điện thoại:..... Fax:.....
Đã được *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*..... cho phép thăm dò
khoáng sản*(tên khoáng sản)*..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản
số..... ngày tháng năm tại khu vực mỏ *(tên mỏ³⁵)*..... thuộc
...*(tên cấp xã)*...,*(tên cấp tỉnh)*...

Đề nghị được chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho:
.....*(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)*
Trụ sở tại:
Điện thoại: Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng.....
năm..... do..... *(tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*.....
cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do
.....*(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)*..... cấp; hoặc Quyết định thành
lập văn phòng đại diện (chi nhánh)³⁶ số..... ngày..... tháng.....
năm..... do*(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi
nhánh)*.....; hoặc Căn cước công dân³⁷ số cấp ngày.....
tháng..... năm.....

Hợp đồng chuyển nhượng số ngày..... tháng..... năm.....
.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)*..... cam kết
thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của
pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân
đề nghị chuyển nhượng**
(Ký tên, đóng dấu)

**Tổ chức, cá nhân
nhận chuyển nhượng**
(Ký tên, đóng dấu)

³⁵ Tên mỏ ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản

³⁶ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

³⁷ Áp dụng đối với cá nhân

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng.....
năm..... do (tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).....
cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do
.....(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành
lập văn phòng đại diện (chi nhánh)³⁸ số..... ngày..... tháng.....
năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi
nhánh).....; hoặc Căn cước công dân³⁹ số cấp ngày.....
tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm
dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng
sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực,(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn)
số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản
kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực

³⁸ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

³⁹ Áp dụng đối với cá nhân

hiện đến thời điểm báo cáo.

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO⁴⁰

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

⁴⁰ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
I	Công tác trắc địa					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1					
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3					
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....

**Tổ chức, cá nhân
được phép thăm dò
(Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu số 17 - Phụ lục III

(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(CHUYỂN NHƯỢNG)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của (cơ quan ban hành) phê duyệt Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)..... và(tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)..... đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)..... nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....) từ(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)..... để tiếp tục thăm dò(tên khoáng sản)..... với các nội dung chính sau đây:

1. Loại khoáng sản:

2. Vị trí khu vực thăm dò:,(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....;

3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II⁴¹ của Giấy phép này.

4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m.

5. Phương pháp, khối lượng công tác thăm dò: theo phương pháp và khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-... ngày ... tháng ... năm ... do ...(*tên cơ quan cấp phép*)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(*tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... thành lập.

6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện công tác thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật.

3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chấm dứt hiệu lực của Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NN&MT (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố... (bản sao).

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

⁴¹ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản (chuyển nhượng) số /GP-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

6. Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản

6.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân (đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III) đề nghị thăm dò bổ sung để nâng cấp từ cấp tài nguyên lên thành cấp trữ lượng, nâng cấp trữ lượng từ cấp có độ tin cậy thấp lên cấp có độ tin cậy cao hoặc thăm dò bổ sung để xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản đi kèm hoặc các thân khoáng sản mới phát hiện trong khu vực được phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

** Trường hợp khu vực đề nghị thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có diện tích đề nghị thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản chiếm tỷ lệ diện tích lớn nhất.*

** Trường hợp khu vực đề nghị thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản thuộc khu vực biển nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố; khu vực biển chưa xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có địa giới hành chính gần nhất với vị trí khu vực đề nghị thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản.*

b) Bước 2. Thẩm định hồ sơ

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải gửi đề án thăm dò bổ sung để lấy ý kiến của các cơ quan, chuyên gia có chuyên môn về thăm dò khoáng sản.

- Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản mời đọc nhận xét, phản biện kèm theo đề án thăm dò bổ sung của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan, chuyên gia được lấy ý kiến phải có văn bản nhận xét, phản biện đối với nội dung kỹ thuật của đề án.

- Trong thời hạn không quá 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ ý kiến nhận xét, phản biện của cơ quan, chuyên gia có chuyên môn, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận.

** Trường hợp đề án thăm dò bổ sung cần chỉnh sửa, bổ sung:*

Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không quá 24 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản thông báo của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc.

** Trường hợp khu vực đề nghị thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có diện tích địa giới hành chính thuộc diện tích khu vực đề nghị thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản.*

c) Bước 3. Xem xét, chấp thuận và trả kết quả

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kèm theo hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản chấp thuận và thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả, thực hiện. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do, đồng thời hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.

6.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản/xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (Mẫu số 07 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính đề án thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản, xác định khoáng sản đi kèm (Mẫu số 02 - Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 19 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp đề án thăm dò cần chỉnh sửa, bổ sung thì thời hạn giải quyết tăng thêm 05 ngày làm việc) không tính thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Thời hạn xem xét, chấp thuận và trả kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận thăm dò bổ sung thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 26b - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2025).

6.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng khoáng sản/xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản đi kèm (Mẫu số 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản không đủ điều kiện kinh doanh thăm dò khoáng sản thì phải hợp đồng với tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Địa chất và khoáng sản (bao gồm: Được thành lập theo quy định của pháp luật; có nhân sự phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học hoặc tương đương thuộc ngành về địa chất, có kinh nghiệm công tác trong thăm dò khoáng sản; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thăm dò khoáng sản; có đội ngũ công nhân kỹ thuật chuyên ngành địa chất và chuyên ngành khác có liên quan; có thiết bị, công cụ chuyên dùng cần thiết để thi công công trình thăm dò khoáng sản) và đáp ứng đủ điều kiện theo quy định các Điều 27, Điều 28 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ (tiêu chuẩn của nhân sự phụ trách kỹ thuật thăm dò khoáng sản và yêu cầu về thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò khoáng sản) để thực hiện công tác thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng khoáng sản/xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản đi kèm.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;

- Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản;

- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

Mẫu số 07 - Phụ lục I

*(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ BỔ SUNG ĐỀ NÂNG CẤP TÀI
NGUYÊN, TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN CHÍNH/ XÁC ĐỊNH TRỮ
LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐI KÈM**

Kính gửi: (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng.....
năm..... do..... (*tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*).....
cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do
.....(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)..... cấp; hoặc Quyết định thành
lập văn phòng đại diện (chi nhánh)⁴² số..... ngày..... tháng.....
năm..... do(*Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi
nhánh*).....; hoặc Căn cước công dân⁴³ số cấp ngày.....
tháng..... năm.....

Được phép khai thác (*tên khoáng sản*)..... tại xã,
tỉnh..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày tháng
..... năm của (*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác
khoáng sản*).....

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 59 Luật Địa chất và khoáng sản,
.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... đề nghị (*tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép*)
được tiến hành thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng tại các khối tài nguyên cấp,
khối trữ lượng cấp ... /xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản đi kèm là (*tên
khoáng sản đi kèm*) trong phạm vi diện tích được phép khai thác theo Giấy phép khai
thác khoáng sản số..... ngày tháng năm của (*Tên cơ
quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác*).

Vị trí, diện tích thăm dò bổ sung:ha (km²), được giới hạn
bởi các điểm góc có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò (bổ sung)⁴⁴ kèm
theo văn bản này.

⁴² Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

⁴³ Áp dụng đối với cá nhân

⁴⁴ Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mức sâu thấp nhất của công trình thăm dò bổ sung: đến mứcm

Thời gian thăm dò bổ sung: tháng (năm), kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Hợp đồng kinh tế số, ngày tháng năm với(tên tổ chức lập đề án thăm dò).....⁴⁵

Mục đích sử dụng khoáng sản:

Vị trí công trình thăm dò⁴⁶:

Số hiệu	Chiều sâu	Tọa độ	Ghi chú
GK	(m)	X Y	

..... (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

⁴⁵ Áp dụng đối với trường hợp chủ đầu tư thuê tổ chức khác lập đề án thăm dò khoáng sản

⁴⁶ Áp dụng đối với trường hợp thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên

Mẫu số 02 - Phụ lục VI

(ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN....

ĐỀ ÁN THĂM DÒ BỔ SUNG

.....(*tên loại khoáng sản*)..... (trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số) thuộc(*tên cấp xã*).....,(*tên cấp tỉnh*).....

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)....)

Địa danh....., năm 20...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN...

Danh sách tác giả lập Đề án:

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa...
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan....
-

ĐỀ ÁN THẨM DÒ BỔ SUNG

..... (tên loại khoáng sản)....., (trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số) thuộc (tên cấp xã), (tên cấp tỉnh).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh....., năm 20....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu để lập Đề án thăm dò bổ sung khoáng sản (trong mẫu này viết tắt là Đề án) và đối tượng khoáng sản.

1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập Đề án.

1.2. Liệt kê các tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả thăm dò, khai thác ở mỏ để sử dụng lập Đề án.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò bổ sung (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

4. Thông tin về đơn vị lập Đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập Đề án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC THĂM DÒ BỔ SUNG

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên-kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò bổ sung.

- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu địa chất, khoáng sản

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò bổ sung.

- Các kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản.

- Các phương pháp, khối lượng thăm dò đã thực hiện và đánh giá hiệu quả các phương pháp, chất lượng tài liệu và khả năng sử dụng tài liệu địa chất đã có cho công tác thăm dò bổ sung.

3. Đánh giá hiện trạng, kết quả khai thác khoáng sản tại khu vực thăm dò bổ sung

Hiện trạng mức độ đầu tư, thông tin về các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản; đánh giá hiện trạng, sản lượng của hoạt động khai thác mỏ trong khu vực thăm dò bổ sung so với trữ lượng cấp phép khai thác, nguyên nhân tăng giảm.

4. Đặc điểm địa chất, khoáng sản khu vực thăm dò bổ sung

- Đặc điểm địa chất khu vực thăm dò bổ sung.

- Mô tả chi tiết mức độ nghiên cứu, nguồn gốc, quy mô, chất lượng từng thân quặng có trong trong khu vực thăm dò bổ sung.

CHƯƠNG 2

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG THĂM DÒ BỔ SUNG

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Nội dung quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng để lựa chọn phương pháp với đối tượng khoáng sản thăm dò bổ sung.

- Đánh giá về đặc điểm, cấu trúc địa chất, loại hình nguồn gốc, điều kiện thành tạo, mức độ phân bố, thành phần vật chất, tính chất vật lý và điều kiện thi công của đối tượng khoáng sản thăm dò bổ sung.

- Dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công trình thăm dò bổ sung với đối tượng khoáng sản; đề xuất tổ hợp phương pháp thăm dò bổ sung.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình chủ yếu

Tất cả các phương pháp, hạng mục công việc thiết kế phải làm rõ mục đích, cách thức thực hiện, dự kiến khối lượng thực hiện. Tùy theo mức độ các phương pháp, khối lượng đã thực hiện trong các nghiên cứu địa chất, điều tra, đánh giá, thăm dò khoáng sản ở giai đoạn trước, công trình thăm dò phục vụ khai thác và mức độ yêu cầu của đối tượng khoáng sản cần thăm dò bổ sung để dự kiến các phương pháp, khối lượng trong Đề án.

Các phương pháp thăm dò khoáng sản chủ yếu là:

- Công tác trắc địa: nêu mục đích, nhiệm vụ, thiết bị đo vẽ, khối lượng dự kiến. Công tác kỹ thuật thực hiện các dạng công tác: xác định mốc gốc và mua số liệu mốc (trường hợp mốc gốc có sẵn trong khu mỏ, phải có tài liệu chứng minh); thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao, nêu yêu cầu độ chính xác của các lưới; thành lập bản đồ hiện trạng nêu phương pháp đo, thiết bị đo, tỷ lệ bản đồ, khoảng cao đều, hệ tọa độ, diện tích thăm dò và mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 bản đồ. Trường hợp sử dụng bản đồ hiện trạng khai thác mỏ hàng năm thì phải bổ sung vào đề án kèm theo tài liệu chứng minh; công tác trắc địa công trình nêu phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế đưa ra thực địa và đo thu vào bản đồ, khối lượng công trình chủ yếu và thứ yếu; phương pháp định tuyến, đo vẽ mặt cắt tuyến thăm dò; Bổ sung công tác xác định các công trình cũ (nếu có);

- Phương pháp lập bản đồ địa chất khoáng sản (tỷ lệ phụ thuộc vào đặc điểm đối tượng thăm dò bổ sung);

- Phương pháp địa hóa (tùy thuộc loại khoáng sản thăm dò bổ sung);

- Phương pháp địa vật lý (tùy thuộc vào đặc tính vật lý, loại khoáng sản thăm dò bổ sung). Riêng Đề án thăm dò bổ sung khoáng sản than, công tác địa vật lý lỗ khoan cần nêu một số nội dung sau:

Mục tiêu, nhiệm vụ, khả năng giải quyết các vấn đề địa chất của từng phương pháp địa vật lý lỗ khoan trong thăm dò than.

Cơ sở địa chất, địa vật lý của từng phương pháp lựa chọn trong tổ hợp.

Khái quát đặc điểm địa chất của vùng đo địa vật lý.

Đặc điểm các trường địa vật lý trên mặt, trong lỗ khoan.

Các tham số địa vật lý của các tầng đất đá, quặng (than).

Máy móc, thiết bị và kỹ thuật thi công các phương pháp địa vật lý đã lựa chọn.

Điều kiện thi công tổ hợp các phương pháp địa vật lý.

Yêu cầu về kiểm soát chất lượng trong thi công các phương pháp địa vật lý

Cơ sở và nội dung phân tích tài liệu địa vật lý lỗ khoan.

Thành lập thiết đồ địa vật lý lỗ khoan.

Công tác tổ chức thi công.

Sản phẩm của công tác địa vật lý lỗ khoan.

- Thi công công trình khai đào (dọn vết lộ, hào, hố, giếng, lò), khoan.
- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích, kiểm soát chất lượng mẫu.
- Công tác nghiên cứu khí mỏ: Đối với các đề án thăm dò than, khoáng sản phóng xạ, Hg, As, khoáng sản kim loại, đa kim dự kiến khai thác bằng phương pháp hầm lò: Dự kiến phương pháp lấy mẫu khí sử dụng và phòng thí nghiệm phân tích mẫu khí; Dự kiến số lượng mẫu khí các loại (định tính và định lượng) cần lấy theo các tuyến thăm dò và theo các mức cao (đến độ sâu nhất được phép thăm dò).
 - Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình.
 - Công tác nghiên cứu điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ (sự biến đổi góc dốc, chiều dày của vỉa khoáng sản; mức độ biến động kiến tạo của khoáng sản,...).
 - Công tác nghiên cứu đặc tính công nghệ khoáng sản: mục đích, cách thức lấy mẫu nghiên cứu, yêu cầu nghiên cứu và dự kiến nơi nghiên cứu.
 - Công tác văn phòng, lập báo cáo kết quả thăm dò.
 - Các công trình thiết kế phải thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

CHƯƠNG 3

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp cảnh báo, giảm thiểu khi thực hiện Đề án.

- Đối với các mỏ phóng xạ và các mỏ có chứa nguyên tố phóng xạ (Urani, thori...): Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phóng xạ theo pháp luật về năng lượng nguyên tử hiện hành.

- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công Đề án.

CHƯƠNG 4 DỰ TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

Trình bày dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoan nôi thân quặng, dự tính trữ lượng khoáng sản theo cấp trữ lượng dự kiến đạt được trong diện tích thăm dò bổ sung.

CHƯƠNG 5 TỔ CHỨC THI CÔNG

Lập kế hoạch, tiến độ, thời gian thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành; thời gian lập báo cáo kết quả thăm dò bổ sung, dự kiến thời gian trình cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản.

Thời gian thi công để hoàn thành các hạng mục và khối lượng thăm dò bổ sung tính từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

CHƯƠNG 6 DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

KẾT LUẬN

- Đánh giá đặc điểm địa chất, khoáng sản (hình thái, chất lượng quặng).
- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công Đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản đồ, bản vẽ kèm theo

- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao (nếu có)
- Bản đồ địa chất khoáng sản khu vực thăm dò bổ sung
- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu dự kiến.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản thiết kế công trình thăm dò.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

2. Phụ lục các tài liệu kèm theo

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập Đề án (nếu có).
- Tài liệu thu thập, tổng hợp

Mẫu số 26b - Phụ lục III

*(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-UBND

Địa danh....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Chấp thuận thăm dò bổ sung

Kính gửi: (Tên tổ chức, cá nhân).....

Căn cứ điểm c khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 59 Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ khoản 1 Điều 68 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Xét đề nghị của(tên tổ chức, cá nhân).... tại văn bản số/... ngày..... tháng..... năm..... về việc

Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ của ... (Tên cơ quan thẩm định hồ sơ)...., Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận cho ... (tên tổ chức, cá nhân) ...được thăm dò bổ sung với một số thông tin chính như sau:

- Mục đích⁴⁷:

- Loại khoáng sản thăm dò bổ sung:

- Vị trí, diện tích thăm dò: Trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày ... của ... (Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản)

- Phương pháp và khối lượng thăm dò: Thực hiện theo Đề án thăm dò bổ sung (đã được chỉnh sửa, hoàn thiện (nếu có)) kèm theo Văn bản số ngày ... của ... (tên tổ chức, cá nhân).....

- Mức sâu thăm dò bổ sung thấp nhất (nếu có): Đến mức ... m.

- Thời gian thăm dò: Được xác định theo Đề án thăm dò khoáng sản.

2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

⁴⁷ Xác định mục đích theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP

a) Thực hiện việc thăm dò bổ sung khoáng sản theo phương pháp và khối lượng tại Đề án thăm dò bổ sung kèm theo Thông báo này;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... trong quá trình thực hiện thăm dò bổ sung khoáng sản nếu xảy ra sai phạm;

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... thông báo đề ... (*Tên tổ chức, cá nhân*)... biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (thành phố);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (thành phố);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)...;
- ...;
- Lưu: ... ()

CHỦ TỊCH

7. Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

7.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đối với toàn bộ hoặc một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản trong trường hợp: (1) Đã khai thác hết toàn bộ trữ lượng khoáng sản trong phạm vi diện tích, ranh giới theo chiều sâu khu vực khai thác khoáng sản; (2) Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các điểm a, b, đ, e, g và h khoản 2 Điều 66 của Luật Địa chất và khoáng sản; (3) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các điểm a, b, đ, e, g và h khoản 2 Điều 71 của Luật Địa chất và khoáng sản; (4) Thời hạn khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã hết nhưng không đủ điều kiện để gia hạn, cấp lại lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

** Trường hợp khu vực đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có diện tích đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản chiếm tỷ lệ diện tích lớn nhất.*

** Trường hợp khu vực đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc khu vực biển nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố; khu vực biển chưa xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có địa giới hành chính gần nhất với vị trí khu vực đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.*

b) Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ

** Trong thời hạn không quá 50 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:*

- Kiểm tra hồ sơ, nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; tổ chức kiểm tra tại thực địa; gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan về đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong thời hạn không quá 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan.

- Tổng hợp ý kiến góp ý, trình Chủ tịch hội đồng để tổ chức phiên họp của Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Tổ chức phiên họp của hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Ban hành văn bản thông báo nội dung kết luận của Chủ tịch hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho tổ chức, cá nhân để chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

** Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:*

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

- Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc.

** Trường hợp khu vực đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có diện tích địa giới hành chính thuộc diện tích khu vực đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.*

d) Bước 4. Xem xét, quyết định

Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong trường hợp không phê duyệt thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Bước 5. Trả kết quả

Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

7.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thực hiện đồng thời với thủ tục trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:*

- Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 05 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản sao hợp lệ phương án cải tạo, phục hồi môi trường được tích hợp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

** Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thực hiện đồng thời với thủ tục trả lại giấy phép khai thác khoáng sản:*

- Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 05 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản sao hợp lệ phương án cải tạo, phục hồi môi trường được tích hợp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; trừ trường hợp quy định tại khoản 1c Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính từ thời điểm cấp phép đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ các văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 50 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc);

- Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt;

- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 12 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

7.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đối với toàn bộ hoặc một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản trong các trường hợp sau đây:

- Đã khai thác hết toàn bộ trữ lượng khoáng sản trong phạm vi diện tích, ranh giới theo chiều sâu khu vực khai thác khoáng sản;

- Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các điểm a, b, đ, e, g và h khoản 2 Điều 66 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: Giấy phép bị thu hồi; Giấy phép đã hết thời hạn khai thác nhưng không đủ điều kiện để gia hạn, cấp lại; Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã; Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất, khu vực biên theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan; Theo bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết trọng tài);

c) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các điểm a, b, đ, e, g và h khoản 2 Điều 71 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: Giấy phép bị thu hồi; Giấy phép đã hết thời hạn khai thác tận thu khoáng sản nhưng không đủ điều kiện để gia hạn; Tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã; Tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; Tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất của dự án đầu tư khai thác khoáng sản do vi phạm pháp luật về đất đai; Theo bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết trọng tài);

- Thời hạn khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã hết nhưng không đủ điều kiện để gia hạn, cấp lại;

- Khi tổ chức, cá nhân có đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

Mẫu số 01 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày tháng năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT
ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi:*(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Người đại diện pháp luật:, Chức vụ:

Đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản*(tên loại khoáng sản)*.....*tại khu vực**thuộc**(tên cấp xã)*.....,*(tên cấp tỉnh)*.....
(theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của
.....*(Tên cơ quan cấp giấy phép)*.....).

Diện tích đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

Thời gian đề nghị thực hiện: tháng.

Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:

Diện tích khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản có tọa độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân đề nghị
đóng cửa mỏ khoáng sản**
Chức danh

*Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)*

Mẫu số 19 - Phụ lục

(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

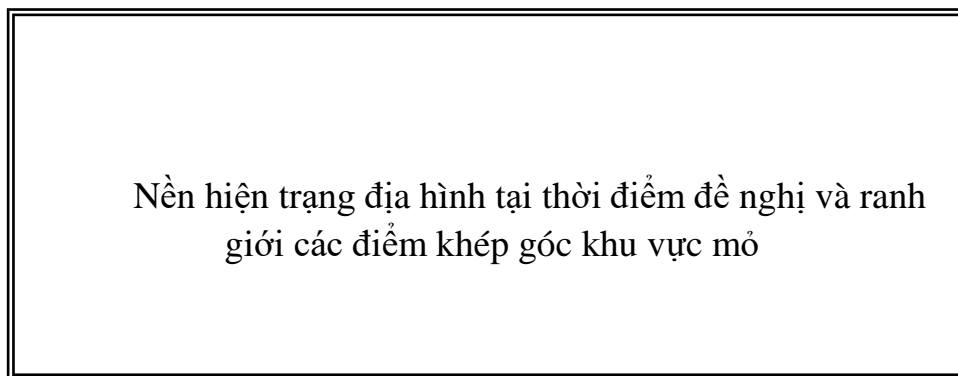
Phụ lục II

TÊN CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH ĐÓNG CỬA MỎ
Tọa độ các điểm khép góc

BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Quyết định số ngày tháng năm của
Tên cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ...)
.....(tên khoáng sản)..... tại khu vực,
.....(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN
.....
.....
.....

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
.....		
Tổng diện tích: ha/km²			



Khung và lưới tọa độ

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia, hoặc đo vẽ từ hiện trạng) tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....
Thước tỷ lệ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ (đối với tổ chức phải có chức năng thành lập theo quy định)
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân
(Ký, đóng dấu)

Mẫu số 05 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

*(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....*

Địa danh, tháng năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã),
..... (tên cấp tỉnh)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (dưới đây gọi tắt là đề án).
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập đề án.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập đề án

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập đề án.
- 2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến đề án.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đề án.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ

khoáng sản).

- Bàn giao diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.

- Mục đích khác (nêu rõ).

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ khoáng sản phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;

- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Đề án/dự án/phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản,..... đã được phê duyệt; hiện trạng khu vực khai thác (các moong khai thác, lò khai thác), các công trình phụ trợ trên bề mặt của mỏ làm cơ sở xác định các hạng mục công việc, khối lượng công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;

- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ, TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ LỊCH SỬ KHAI THÁC

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

1.1. Vị trí địa lý: Mô tả vị trí, tọa độ khu vực thực hiện đề án (khai trường, mặt bằng sản công nghiệp, khu phụ trợ, bãi thải), ranh giới tiếp giáp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội: Mô tả đặc điểm địa hình, sông suối, đặc điểm khí hậu, đặc điểm giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, điều kiện kinh tế - xã hội nơi đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Các đối tượng xung quanh khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (*bao gồm cả phạm vi trên mặt và dưới sâu*).

2. Lịch sử khai thác

Nêu khái quát trình khai thác của khu vực khoáng sản theo từng giai đoạn: Giai đoạn trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra trong khai thác khoáng sản và kết quả khắc phục các tồn tại, vi phạm (nếu có)

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động khai thác khoáng sản; nội dung kết luận thanh tra, thông báo khắc phục và yêu cầu kiến nghị, xử lý các tồn tại, vi phạm và kết quả khắc phục (nếu có).

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ khai thác;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc

biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu.

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ,...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác,... Cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản*); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong đề án khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương án thực hiện các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi

môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án. Lập bảng thống kê khối lượng theo Phương án (Đề án, Dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, khối lượng đã thực hiện (nếu có) và khối lượng còn phải phải thực hiện (khối lượng đóng cửa mỏ).

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện các hạng mục công trình của đề án.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận công trình bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường) trong quá trình thực hiện đề án.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công các hạng mục công trình của đề án.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (*trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá*), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các hạng mục công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công đề án; nguyên, nhiên liệu sử dụng; biện pháp kỹ thuật, an toàn.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác?
Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ.
5	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng của khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
6	Bình đồ phân khối trữ lượng.
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản.
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu (nếu có).
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
10	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);

- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....
- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:
- Cơ quan cấp phép
- Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....
- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
- Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đê);
- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....

tháng.... năm....⁴⁸:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản⁴⁹

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều

⁴⁸ Thời điểm báo cáo

⁴⁹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....
.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....
.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....
.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo⁵⁰

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mứcm đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....
.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

⁵⁰ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 12 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ)**

Số:/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực,(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ ý kiến của về việc tham gia ý kiến đối với Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

Trên cơ sở Biên bản phiên họp ngày tháng năm của Hội đồng

thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và Biên bản kiểm tra thực địa ngày tháng năm;

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... nộp tại(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)..... ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....
.....
.....
.....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiếu, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản:

Thực hiện theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được Hội đồng Thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản)..... thẩm định và thông qua (thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

4. Thời gian thực hiện: tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của

6. Đơn vị thực hiện:

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm:

Chỉ nêu các trách nhiệm chưa được quy định trong Luật Địa chất và khoáng sản, các luật khác có liên quan.

Điều 3.(Tên cơ quan thẩm định hồ sơ)..... có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Xác nhận hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật bảo vệ môi trường sau khi(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... hoàn thành Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Ủy ban nhân dân xã (phường) có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... trong quá trình thi công các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

2. Kịp thời ngăn chặn và xử lý hoạt động khai thác, thu hồi khoáng sản trái phép trong khu vực thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Giải quyết các thủ tục có liên quan, đảm bảo thi công Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo đúng khối lượng và tiến độ.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ NNN&MT;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)...;
-
- Lưu: VT, HS,....

CHỦ TỊCH

*Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)*

Phụ lục I

TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiếu)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km²			

Phụ lục II
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				
2				
...				

8. Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt

8.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt trong trường hợp: (1) Thay đổi tên tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; (2) Điều chỉnh thời gian thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản; (3) Điều chỉnh khối lượng các hạng mục công việc trong đề án đóng cửa mỏ khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

** Trường hợp khu vực đề nghị điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có diện tích đề nghị điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt chiếm tỷ lệ diện tích lớn nhất.*

** Trường hợp khu vực đề nghị điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt thuộc khu vực biển nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố; khu vực biển chưa xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có địa giới hành chính gần nhất với vị trí khu vực đề nghị điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.*

b) Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ

** Trong thời hạn không quá 50 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:*

- Kiểm tra hồ sơ, nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đề nghị điều chỉnh; tổ chức kiểm tra thực địa; gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan về nội dung điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong thời hạn không quá 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan thẩm định hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan.

- Tổng hợp ý kiến góp ý, trình Chủ tịch Hội đồng để tổ chức phiên họp của Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Tổ chức phiên họp của Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Ban hành văn bản thông báo nội dung kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho tổ chức, cá nhân để chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

** Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:*

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc.

** Trường hợp khu vực đề nghị điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có diện tích địa giới hành chính thuộc diện tích khu vực đề nghị điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.*

d) Bước 4. Xem xét, quyết định

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong trường hợp không phê duyệt thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Bước 5. Trả kết quả

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ

chức, cá nhân đề nghị phê duyệt điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

8.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh thời gian thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc điều chỉnh khối lượng các hạng mục công việc trong đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:*

- Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 03 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt kèm theo kế hoạch thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản điều chỉnh (Mẫu số 09 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ tại thời điểm đề nghị điều chỉnh (Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản sao hợp lệ phương án cải tạo, phục hồi môi trường được tích hợp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

** Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thay đổi tên tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; thành phần hồ sơ là:*

Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 03 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;

- Thời hạn thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 50 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc);

- Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt;

- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 16 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

8.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị phê duyệt điều chỉnh đề án (phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Các trường hợp điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt:

- Thay đổi tên tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Điều chỉnh thời gian thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Điều chỉnh khối lượng các hạng mục công việc trong đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

Mẫu số 03 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN
(PHƯƠNG ÁN) ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi:*(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đóng cửa mỏ)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Người đại diện pháp luật:, Chức vụ:.....

Đề nghị phê duyệt điều chỉnh Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản
.....*(tên loại khoáng sản)*..... tại khu vực thuộc*(tên cấp xã)*.....,
.....*(tên cấp tỉnh)*..... (theo Quyết định số ngày tháng năm
của*(Tên cơ quan phê duyệt đề án (phương án) đóng cửa mỏ)*.....).

Nội dung đề nghị điều chỉnh:

Lý do điều chỉnh:

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ)*..... cam kết thực hiện
đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật
khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân đề nghị
đóng cửa mỏ khoáng sản**
Chức danh

*Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)*

Mẫu số 19 - Phụ lục

(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

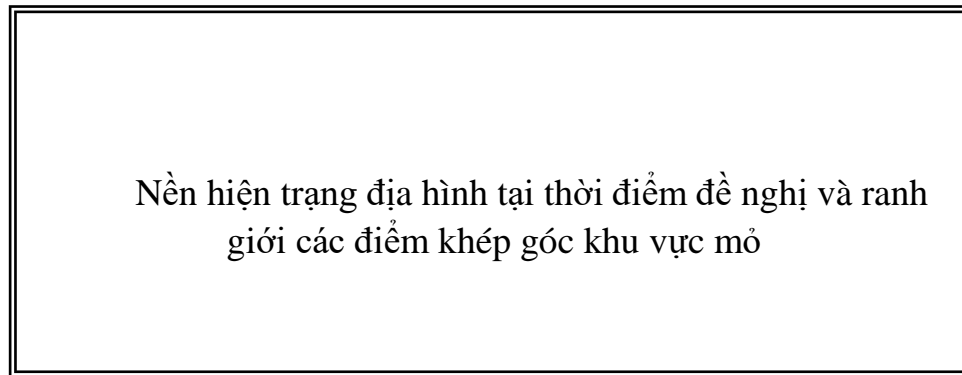
Phụ lục II

TÊN CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH ĐÓNG CỬA MỎ
Tọa độ các điểm khép góc

BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Quyết định số ngày tháng năm của
Tên cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ...)
.....(tên khoáng sản)..... tại khu vực,
.....(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN
.....
.....
.....

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
.....		
Tổng diện tích: ha/km²			



“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia, hoặc đo vẽ từ hiện trạng) tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....
Thước tỷ lệ

Khung và lưới tọa độ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ (đối với tổ chức phải có chức năng thành lập theo quy định)
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân
(Ký, đóng dấu)

Mẫu số 09 - Phụ lục

(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

Địa danh....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN (PHƯƠNG ÁN) ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....

Người đại diện pháp luật:.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Thực hiện Quyết định số ngày tháng năm của
.....(Tên cơ quan phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ)..... về việc phê
duyet Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản.....(Tên Đề án (Phương
án)).....;

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương
án) đóng cửa mỏ khoáng sản như sau:

1. Nội dung chính của Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản

- Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:..... ;
- Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:
- Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

2. Kết quả thực hiện

a) Kết quả hoạt động khai thác:

- Sản lượng thực tế đã khai thác: Khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm
(tách riêng từng loại khoáng sản).

- Khối lượng đất, đá thải mỏ.

- Trữ lượng tài, nguyên còn lại.

b) Các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác:

.....

.....
c) Hạng mục, khối lượng và phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản:
.....
.....

d) Công tác giám sát và bảo vệ môi trường trong quá trình đóng cửa mỏ khoáng sản:
.....
.....

đ) Các giải pháp đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản:
.....
.....

e) Công tác sử dụng đất đai:
.....
.....

3. Đánh giá chung và đề xuất, kiến nghị

Đánh giá chung về tình hình thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản so với Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Lý do hoàn thành (hoặc không hoàn thành) các nội dung của Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Các đề xuất, kiến nghị liên quan.

Tài liệu gửi kèm theo:

- Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Hồ sơ nghiệm thu các hạng mục, khối lượng theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Mẫu số 16 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ).....**

Số:/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 147/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt đề án)..... về việc phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.....(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ ý kiến của về việc tham gia ý kiến đối với nội dung điều

chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Biên bản phiên họp ngày tháng năm của Hội đồng Thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và Biên bản kiểm tra thực địa ngày tháng năm

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh nội dung Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân)..... nộp tại(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)..... ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Nội dung điều chỉnh:

a)

b)

2. Các nội dung khác quy định trong Quyết định số/QĐ-BNNMT..... nêu trên vẫn giữ nguyên giá trị.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định tại Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt đề án).....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và là bộ phận pháp lý không tách rời của Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt đề án).....

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,(Tên tổ chức, cá nhân)..... và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;

- Bộ NNN&MT;

- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)...;

.....

- Lưu: VT, HS,....

CHỦ TỊCH

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

9. Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

9.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản trong trường hợp: (1) Giấy phép khai thác khoáng sản nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, khoáng sản ở lòng sông, lòng hồ, khu vực biển; (2) Trả lại một phần diện tích khu vực khoáng sản nhóm II; khu vực khai thác khoáng sản nhóm III; khu vực khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoan định và công bố; khu vực khai thác tận thu khoáng sản đã khai thác; (3) Trả lại một phần diện tích khu vực khoáng sản nhóm II; khu vực khai thác khoáng sản nhóm III; khu vực khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoan định và công bố; khu vực khai thác tận thu khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

** Trường hợp khu vực đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có diện tích đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản chiếm tỷ lệ diện tích lớn nhất.*

** Trường hợp khu vực đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc khu vực biển nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố; khu vực biển chưa xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có địa giới hành chính gần nhất với vị trí khu vực đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.*

b) Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ

** Trong thời hạn không quá 16 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau đây:*

- Kiểm tra hồ sơ, nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; tổ chức kiểm tra thực địa; gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan về đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan.

- Hoàn thiện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

** Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:*

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

- Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 08 ngày làm việc.

** Trường hợp khu vực đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có diện tích địa giới hành chính thuộc diện tích khu vực đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.*

d) Bước 4. Xem xét, quyết định

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong trường hợp không chấp thuận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Bước 5. Trả kết quả

Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả chấp thuận nội dung phương án mỏ khoáng sản để thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

9.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản sao hợp lệ phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc tài liệu thể hiện nội dung phương án cải tạo phục hồi môi trường được thẩm định, phê duyệt hoặc cấp giấy phép theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 08 ngày làm việc);

- Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt;

- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Văn bản chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 14 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

9.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Mẫu số 02 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày tháng năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN
PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN (ĐÓNG CỬA MỘT
PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)**

Kính gửi:*(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Người đại diện pháp luật:, Chức vụ:.....

Đề nghị chấp thuận Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)*(tên loại khoáng sản)*..... tại khu vực thuộc*(tên cấp xã)*.....,*(tên cấp tỉnh)*..... (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của*(Tên cơ quan cấp giấy phép)*.....).

Diện tích đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

(Đối với trường hợp đề nghị đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, cần bổ sung các thông tin sau):

- Diện tích đề nghị đóng cửa: ha/km²;

- Diện tích đề nghị tiếp tục khai thác: ha/km².

Thời gian đề nghị thực hiện: tháng.

Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:

Diện tích khu vực đề nghị đóng cửa và khu vực tiếp tục khai thác có tọa độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân đề nghị
đóng cửa mỏ khoáng sản**

Chức danh

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Mẫu số 19 - Phụ lục

(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Phụ lục II

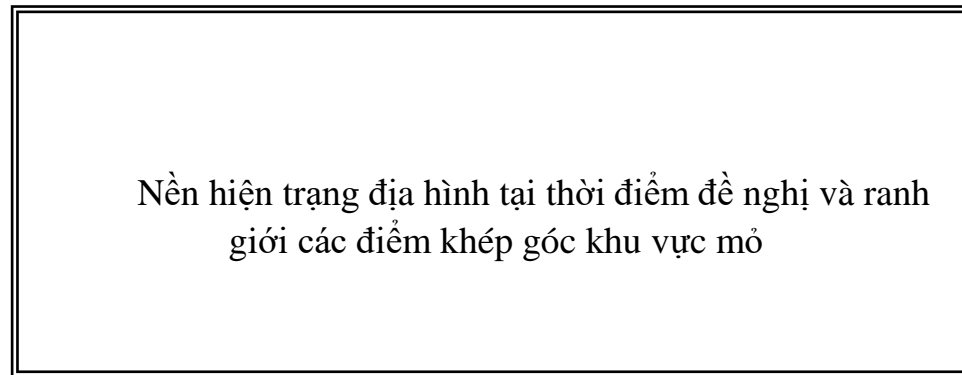
TÊN CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH ĐÓNG CỬA MỎ
Tọa độ các điểm khép góc

BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Quyết định số ngày tháng năm của Tên cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ...)
.....(tên khoáng sản)..... tại khu vực,
.....(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
.....		
Tổng diện tích: ha/km²			



Khung và lưới tọa độ

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia, hoặc đo vẽ từ hiện trạng) tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....
Thước tỷ lệ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ (đối với tổ chức phải có chức năng thành lập theo quy định)
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân
(Ký, đóng dấu)

Mẫu số 14 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ).....**

Số:/TB-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

Kính gửi: *(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....*

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực,(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....;

Xét hồ sơ đề nghị chấp thuận Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... nộp tại(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)..... ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... chấp thuận phương án đóng

cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực,(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....của (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung chính như sau:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....
.....
.....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiếu, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản: Thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

4. Thời gian thực hiện: tháng, kể từ ngày Thông báo này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của

6.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm thực hiện đầy đủ khối lượng của các hạng mục công việc theo tiến độ nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, môi trường, khoáng sản, pháp luật khác có liên quan; quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng trong quá trình thi công phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; báo cáo bằng văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... sau khi hoàn thành toàn bộ khối lượng của phương án đóng cửa mỏ khoáng sản để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... phải thông báo cho Ủy ban nhân dân xã (phường) để chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định./.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)....;
- Các Sở, ngành liên quan;
- UBND xã (phường)....;
- Lưu: VT, HS,....

CHỦ TỊCH

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Phụ lục I

TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Thông báo số/QĐ-ĐCKS ngày tháng năm
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiếu)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km²			

Phụ lục II
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

*(Kèm theo Thông báo số/QĐ-ĐCKS ngày tháng năm
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)*

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				
2				
...				

10. Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản

10.1. Trình tự thực hiện

10.1.1. Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận

a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

** Trường hợp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản chiếm tỷ lệ diện tích lớn nhất.*

** Trường hợp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc khu vực biển nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố; khu vực biển chưa xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có địa giới hành chính gần nhất với vị trí khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.*

b) Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ

** Trong thời hạn không quá 40 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiến hành các hoạt động sau đây:*

- Kiểm tra hồ sơ đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Lấy ý kiến bằng văn bản cơ quan chuyên môn và cơ quan khác có liên quan về kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan thẩm định hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan;

- Tổ chức kiểm tra thực địa, nghiệm thu kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (có thể tiến hành đồng thời với việc lấy ý kiến cơ quan chuyên môn và cơ quan khác có liên quan). Trường hợp không có khối lượng ngoài thực địa thì không tổ chức kiểm tra;

- Hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

** Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:*

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

- Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 12 ngày làm việc.

** Trường hợp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có diện tích địa giới hành chính thuộc diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.*

d) Bước 4. Xem xét, quyết định

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, trường hợp không đồng ý ban hành quyết định thì phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Bước 5. Trả kết quả

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

10.1.2. Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản

a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bị chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

* Trường hợp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản chiếm tỷ lệ diện tích lớn nhất.

* Trường hợp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc khu vực biển nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố; khu vực biển chưa xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có địa giới hành chính gần nhất với vị trí khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.

b) Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản trong thời hạn không quá 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, tài liệu khẳng định việc chấm dứt hiệu lực của giấy

phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 66 và khoản 2 Điều 71 của Luật Địa chất và khoáng sản.

** Trường hợp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có diện tích địa giới hành chính thuộc diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.*

d) Bước 4. Trả kết quả

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

10.1.3. Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm IV

a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm IV lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

b) Bước 2: Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ

Sau khi nhận được văn bản báo cáo hoàn thành việc đóng cửa mỏ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nhóm IV, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra thực địa và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

Trường hợp việc đóng cửa mỏ khoáng sản chưa đáp ứng yêu cầu theo phương án khai thác khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nhóm IV thực hiện các giải pháp công trình, bảo đảm các yêu cầu về đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định tại Điều 81 của Luật Địa chất và khoáng sản.

c) Bước 3. Xem xét, quyết định

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, trường hợp không đồng ý ban hành quyết định thì phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Bước 4. Trả kết quả

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

10.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận:*

- Bản chính văn bản đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 09 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ hồ sơ hoàn công và các văn bản chứng minh đã thực hiện khối lượng theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận;

- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ văn bản thẩm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử đối với trường hợp khai thác khoáng sản phóng xạ hoặc có chứa chất phóng xạ đi kèm.

** Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản:*

Văn bản, tài liệu khẳng định việc chấm dứt hiệu lực của giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản theo quy định tại khoản 2

Điều 66 và khoản 2 Điều 71 của Luật Địa chất và khoáng sản.

** Trường hợp đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm IV:*

- Bản chính văn bản đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Bản chính báo cáo kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 09 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết

** Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận:*

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 40 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 12 ngày làm việc);

- Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt;

- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

** Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản:*

- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;

- Thời hạn thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định;

- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

* *Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm IV:*

- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt;

- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 18 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

10.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân phải hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận theo quy định của pháp luật.

20.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 04/2016/TT-BKHHCN ngày 04/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây) quy định về thẩm định báo cáo đánh giá an toàn bức xạ trong hoạt động thăm dò, khai thác quặng phóng xạ.

Mẫu số 04 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh..., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN TÍCH
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)

Kính gửi:*(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đóng cửa mỏ)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Người đại diện pháp luật:, Chức vụ:

Thực hiện Quyết định số ngày tháng năm của
.....*(Tên cơ quan phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ)*..... về việc phê
duyet Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản *(Tên Đề án (Phương
án))*.....;

Căn cứ Biên bản kiểm tra thực địa và nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án
(Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản do Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam
hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố) lập ngày tháng
năm

Đề nghị được đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khai
thác) *(tên loại khoáng sản)*.....tại khu vực.....thuộc.....*(tên cấp
xã)*.....,*(tên cấp tỉnh)*.....(theo Giấy phép khai thác khoáng sản số
ngày tháng năm của *(Tên cơ quan cấp giấy phép)*

Diện tích đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

*(Đối với trường hợp đề nghị đóng cửa một phần diện tích khu vực khai
thác khoáng sản, cần bổ sung các thông tin sau):*

- Diện tích đề nghị đóng cửa: ha/km²;

- Diện tích đề nghị tiếp tục khai thác: ha/km².

Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:

Diện tích khu vực đề nghị đóng cửa và khu vực tiếp tục khai thác có tọa độ các điểm khớp góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

Chức danh

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Mẫu số 19 - Phụ lục

(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

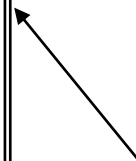
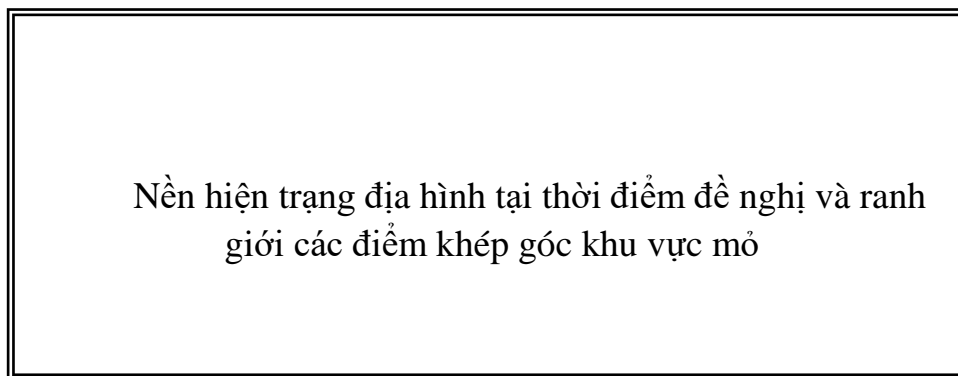
Phụ lục II

TÊN CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH ĐÓNG CỬA MỎ
Tọa độ các điểm khép góc

BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Quyết định số ngày tháng năm của
Tên cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ...)
.....(tên khoáng sản)..... tại khu vực,
.....(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN
.....
.....
.....

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
.....		
Tổng diện tích: ha/km²			



Khung và lưới tọa độ

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia, hoặc đo vẽ từ hiện trạng) tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....
Thước tỷ lệ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ (đối với tổ chức phải có chức năng thành lập theo quy định)
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân
(Ký, đóng dấu)

Mẫu số 09 - Phụ lục

(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

Địa danh....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN (PHƯƠNG ÁN) ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....

Người đại diện pháp luật:.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Thực hiện Quyết định số ngày tháng năm của
.....(Tên cơ quan phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ)..... về việc phê
duyet Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản.....(Tên Đề án (Phương
án)).....;

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương
án) đóng cửa mỏ khoáng sản như sau:

1. Nội dung chính của Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản

- Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:..... ;
- Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:..... ;
- Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản:ha/km².

2. Kết quả thực hiện

a) Kết quả hoạt động khai thác:

- Sản lượng thực tế đã khai thác: Khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm
(tách riêng từng loại khoáng sản).

- Khối lượng đất, đá thải mỏ.

- Trữ lượng tài, nguyên còn lại.

b) Các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác:

.....

.....
c) Hạng mục, khối lượng và phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản:
.....
.....

d) Công tác giám sát và bảo vệ môi trường trong quá trình đóng cửa mỏ khoáng sản:
.....
.....

đ) Các giải pháp đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản:
.....
.....

e) Công tác sử dụng đất đai:
.....
.....

3. Đánh giá chung và đề xuất, kiến nghị

Đánh giá chung về tình hình thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản so với Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Lý do hoàn thành (hoặc không hoàn thành) các nội dung của Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Các đề xuất, kiến nghị liên quan.

Tài liệu gửi kèm theo:

- Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Hồ sơ nghiệm thu các hạng mục, khối lượng theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Mẫu số 18 - Phụ lục

*(ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UBND

Địa danh....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đóng cửa mỏ khoáng sản
(đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 147/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Quyết định (Thông báo) số ngày tháng năm

của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt (chấp thuận) đề án (phương án))..... về việc phê duyệt (chấp thuận) Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực,(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản số ngày tháng năm; Biên bản kiểm tra thực địa và nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm

Căn cứ Văn bản số của về việc tham gia ý kiến đối với kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân)..... nộp tại(Tên cơ quan thẩm định hồ sơ)..... ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....
.....
.....

2. Diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiếu, được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I và Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ tại Phụ lục II⁵¹ kèm theo Quyết định này.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... đã hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền đóng cửa mỏ)..... phê duyệt (chấp thuận) tại Quyết định (Thông báo) số ngày tháng năm

⁵¹ Phụ lục II. Nội dung chi tiết của bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 5 của Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT và mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

1. Kết quả thực hiện khối lượng các hạng mục công trình theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được nghiệm thu nêu tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

2. Trên cơ sở hạng mục, khối lượng công tác đóng cửa mỏ và cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện nêu tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này,(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... thực hiện thủ tục liên quan đối với số tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

Điều 3.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Báo cáo với các cơ quan chức năng có liên quan để thực hiện thủ tục bàn giao đối với khu vực có diện tích nêu tại Điều 1 của Quyết định này để địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

2. Tiếp tục thực hiện duy tu, bảo dưỡng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo thời hạn trong Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

Điều 4. Ủy ban nhân dân xã (phường)..... có trách nhiệm:

Tiếp nhận, quản lý, sử dụng đất khu vực đóng cửa mỏ, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trong khu vực theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... có trách nhiệm:

Phối hợp với Quỹ bảo vệ môi trường trong việc hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường cho(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)....., Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Quỹ bảo vệ môi trường,(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ NN&MT;
- Sở NN&MT;
-
- Lưu: VT, HS,....

CHỦ TỊCH

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Phụ lục I

**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN)**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))*

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiếu)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km²			

Phụ lục III

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THEO ĐỀ
ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN (ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN
TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))*

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng		Tỷ lệ đạt (%)	Ghi chú
			Theo Đề án được phê duyệt	Đã thực hiện (Tại thời điểm nghiệm thu)		
1						
2						
...						

11. Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn

11.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân lập kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

** Trường hợp khu vực thăm dò khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có diện tích khu vực thăm dò khoáng sản chiếm tỷ lệ diện tích lớn nhất.*

** Trường hợp khu vực thăm dò khoáng sản thuộc khu vực biển nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố; khu vực biển chưa xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có địa giới hành chính gần nhất với vị trí khu vực thăm dò khoáng sản.*

b) Bước 2. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trả kết quả

Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kế hoạch thi công bổ sung của tổ chức, cá nhân, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xem xét, có ý kiến chấp thuận bằng văn bản và thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả. Trường hợp cần thiết hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện trước khi ban hành văn bản chấp thuận.

** Trường hợp khu vực thăm dò khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có diện tích địa giới hành chính thuộc diện tích khu vực thăm dò khoáng sản.*

11.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

Bản chính kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản (trong đó nêu cụ thể khối lượng các hạng mục công trình cần thi công bổ sung,

thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc thi công) (Mẫu số 30 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận bổ sung khối lượng công tác thăm dò.

11.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản (Mẫu số 30 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân được xem xét, chấp thuận bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn khi đã thực hiện đầy đủ khối lượng công tác thăm dò theo đề án thăm dò mà giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn nhưng phải bổ sung khối lượng công tác thăm dò theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.

Mẫu số 30 - Phụ lục IV

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

KẾ HOẠCH THI CÔNG BỔ SUNG

KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Thông báo số .../TB-... ngày ... tháng ... năm ... của)

*(Áp dụng trong trường hợp phải bổ sung công trình thăm dò theo yêu cầu của
cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản nhưng giấy phép
thăm dò đã hết thời hạn)*

I. Mở đầu

Khái quát nội dung Đề án thăm dò (đối tượng, phạm vi, mục tiêu nhiệm vụ, các phương pháp áp dụng); tóm tắt kết quả thi công đề án và vấn đề còn tồn tại.

II. Kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản

- Nêu cơ sở pháp lý của việc thực hiện thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản.

- Trình bày các dạng công tác cần thực hiện.

Bảng khối lượng hạng mục công việc:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng thi công bổ sung	Thời gian thực hiện dự kiến (ngày/tháng)	Ghi chú

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

12. Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

12.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

** Trường hợp khu vực đề nghị chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc khu vực biển nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố; khu vực biển chưa xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh nơi có địa giới hành chính gần nhất với vị trí khu vực đề nghị chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.*

b) Bước 2. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ

- Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của tổ chức, cá nhân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng.

- Trong thời hạn không quá 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản về mức độ ảnh hưởng đến đối tượng bảo vệ tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và việc chấp thuận cho phép thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Trong thời hạn không quá 12 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các nội dung nêu trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận.

c) Bước 3. Xem xét, quyết định

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết

định chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

d) Bước 4. Trả kết quả

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết.

12.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp đề nghị chấp thuận thăm dò khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản đề nghị thăm dò khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản của tổ chức, cá nhân (Mẫu số 08b - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại Điều 11 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Mẫu số 33 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

** Trường hợp đề nghị chấp thuận khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản đề nghị chấp thuận khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại Điều 6 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026);

- Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Mẫu số 02 - Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại Điều 6 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

- Báo cáo hiện trạng hoạt động khai thác khoáng sản đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đang khai thác khoáng sản tại khu vực liền kề hoặc giáp ranh với khu vực đề nghị giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: 32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của tổ chức, cá nhân;

- Thời hạn xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt;

- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

** Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản:*

Văn bản chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 26d - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

** Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản:*

Văn bản chấp thuận khai thác tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 04 - Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại Điều 6 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

12.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

** Trường hợp đề nghị chấp thuận thăm dò khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản:* Văn bản đề nghị

thăm dò khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản của tổ chức, cá nhân (Mẫu số 08b - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại Điều 11 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

** Trường hợp đề nghị chấp thuận khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: Văn bản đề nghị chấp thuận khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Mẫu số 01 - Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung tại Điều 6 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).*

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Việc thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được thực hiện trong trường hợp phương pháp, công nghệ thăm dò hoặc phương pháp, công nghệ khai thác không ảnh hưởng xấu đến đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

Mẫu số 08b - Phụ lục I

*(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ TRONG KHU VỰC CẤM
HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI
CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: *(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày.....
tháng.....năm..... do..... *(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy
chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư
số..... ngày..... tháng..... năm..... do*(Tên cơ quan nhà nước,
người có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư)*..... cấp; hoặc Quyết định thành
lập văn phòng đại diện (chi nhánh)⁵² số..... ngày..... tháng.....
năm..... do*(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quyết định thành
lập văn phòng đại diện, chi nhánh)*.....; hoặc Căn cước công dân số⁵³
..... cấp ngày..... tháng..... năm.....;

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản, sửa đổi,
bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất
và khoáng sản,*(Tên tổ chức, cá nhân)*..... đề nghị thăm dò
khoáng sản *(tên khoáng sản)*.... trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm
thời cấm hoạt động khoáng sản tại xã (phường, đặc khu) tỉnh (thành phố)
.....;

Diện tích dự kiến đề nghị thăm dò:ha (km²), trong đó, diện
tích thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng
sản:ha (km²).

Toạ độ, diện tích được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo.

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)* cam kết thực hiện đúng quy định của
pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

⁵² Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

⁵³ Áp dụng đối với cá nhân

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

PHỤ LỤC

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CHẤP THUẬN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC CẤM HOẠT
ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG
KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Văn bản số.....ngày tháng năm của)

1. Tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

2. Tọa độ, diện tích nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

Mẫu số 01 - Phụ lục IIa

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở
KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI
CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: *(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền)*

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày.....
tháng..... năm..... do..... *(tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh
nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng.....
năm..... do*(tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép đầu
tư)*..... cấp.

Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản*(tên khoáng sản)*.....tại khu vực
.... thuộc*(tên cấp xã)*.....,*(tên cấp tỉnh)*..... đã được*(cơ quan
phê duyệt)*..... phê duyệt, công nhận hoặc xác nhận theo văn bản số..... ngày....
tháng.... năm....

Trữ lượng, tài nguyên.....*(tên khoáng sản)*.....được công nhận (phê duyệt,
xác nhận): (tấn, m³,...).

Đề nghị được chấp thuận khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động
khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản) đối với khoáng sản
(tên khoáng sản) tại khu vực thuộc*(tên cấp xã)*.....,*(tên cấp
tỉnh)*..... với các nội dung như sau:

1. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản dự kiến đề nghị cấp phép khai
thác:.....(tấn, m³,...), trong đó:

a) Khoáng sản chính:(tấn, m³,...);

b) Khoáng sản đi kèm (nếu có):(tấn, m³,...).

2. Phương pháp khai thác: (Lộ thiên, hầm lò, khác).

3. Diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản:..... (ha, m², km²), trong đó diện tích nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản là..... (ha, m², km²).

Toạ độ, diện tích được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo.

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

PHỤ LỤC

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CHẤP THUẬN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC CẤM HOẠT
ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG
KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Văn bản số.....ngày tháng năm của)

1. Tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

2. Tọa độ, diện tích nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

Mẫu số 02 - Phụ lục IIa

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

**PHƯƠNG ÁN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỐI
TƯỢNG CẦN BẢO VỆ TẠI KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG
SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

*(Tên khu vực....., thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp
tỉnh).....)*

Địa danh....., năm 20...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

**PHƯƠNG ÁN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỐI
TƯỢNG CẦN BẢO VỆ TẠI KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG
SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

*(Tên khu vực....., thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp
tỉnh).....)*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(nếu có)
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh....., năm 20...

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu để lập Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập dự án đầu tư, phương án khai thác khoáng sản.

1.2. Liệt kê các tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập dự án đầu tư, phương án khai thác khoáng sản.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Phương án.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

4. Thông tin về đơn vị lập Phương án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập Phương án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT KHU VỰC ĐỀ NGHỊ KHAI THÁC

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực khai thác khoáng sản.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực khai thác khoáng sản.
- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò, khai thác khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn khai thác khoáng sản.

CHƯƠNG 2

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa chất vùng

2. Đặc điểm địa chất khoáng sản khu vực

- Đặc điểm địa chất, chất lượng, quy mô, nguồn gốc khoáng sản trong khu vực khai thác khoáng sản.

- Mức độ nghiên cứu từng thân quặng, đới khoáng hóa chứa quặng.

CHƯƠNG 3

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG BẢO VỆ VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG

I. Phạm vi và đối tượng bảo vệ

1. Phạm vi không gian

2. Đối tượng cần bảo vệ

- Xác định đối tượng, số lượng, phạm vi phân bố của đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Cơ quan quản lý đối tượng cần bảo vệ.

II. Giải pháp kỹ thuật công nghệ (dự kiến)

1. Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản trong khai trường

Tính toán trữ lượng (khối lượng) khai trường bao gồm: Khối lượng (trữ lượng) địa chất trong ranh giới khảo sát, đánh giá và trữ lượng (khối lượng) địa chất dự kiến huy động vào khai thác (được quy đổi theo khoáng sản nguyên khai).

2. Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác

- Mô tả công nghệ khai thác.

- Lập bảng thống kê các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.

- Liệt kê danh mục các thiết bị khai thác, đặc tính kỹ thuật cơ bản các loại thiết bị chính.

3. Vận tải mỏ

- Mô tả khối lượng vận tải và phương thức vận tải hợp lý. Mô tả năng suất và số lượng thiết bị vận tải cần thiết theo từng năm.

- Mô tả tuyến đường vận tải.

4. Công tác đổ thải (nếu có)

- Xác định khối lượng chất thải loại không đủ tiêu chuẩn sử dụng cho các dự án, công trình sử dụng khoáng sản trong quá trình khai thác mỏ.

- Xác định vị trí, quy mô của bãi thải; biện pháp bảo đảm an toàn, thoát nước mặt.

5. Các hạng mục, công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động khai thác

- Hệ thống cung cấp điện và trang bị điện.

- Hệ thống cấp nước và thoát nước.
- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

III. Nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng

Đánh giá mức độ tác động của phương pháp, giải pháp kỹ thuật công nghệ khi khai thác khoáng sản đến đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

CHƯƠNG 4 ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ

1. Hiệu quả kinh tế khi không khai thác trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. Hiệu quả kinh tế khi khai thác trong và ngoài khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

3. Đánh giá hiệu quả kinh tế toàn bộ khu vực khai thác để sơ bộ lựa chọn phương pháp khai thác (lộ thiên, hầm lò, khác), qua đó đánh giá hiệu quả kinh tế mỏ.

KẾT LUẬN

- Đánh giá hiệu quả việc khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản để đưa ra bức trong tổng thể, lựa chọn phương án khai thác phù hợp, hiệu quả.

- Các yêu cầu, kiến nghị, cảnh báo khác.

PHẦN PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢN VẼ VÀ CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản với tỷ lệ thích hợp; trong đó thể hiện ranh giới đề nghị khai thác, ranh giới đề nghị khai thác trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 33 - Phụ lục V

*(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

**PHƯƠNG ÁN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỐI
TƯỢNG CẦN BẢO VỆ TRONG QUÁ TRÌNH THĂM DÒ TẠI
KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM
THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

*.....(tên loại khoáng sản..., thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh)....*

Địa danh, năm 20...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

Danh sách tác giả lập Phương án:

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa...
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan....
-

**PHƯƠNG ÁN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỐI
TƯỢNG CẦN BẢO VỆ TRONG QUÁ TRÌNH THẨM DÒ TẠI
KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM
THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

.....(*tên loại khoáng sản*)....., thuộc(*tên cấp xã*).....,
.....(*tên cấp tỉnh*).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(*Họ và tên*)

Chữ ký, đóng dấu
(*Họ và tên*)

Địa danh, năm 20....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu để lập Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập Đề án.

1.2. Liệt kê các tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập Đề án.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Phương án.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

4. Thông tin về đơn vị lập Phương án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập Phương án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT KHU VỰC ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò khoáng sản.

- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản.

- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò, khai thác khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 2

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG KHOÁNG SẢN

I. Phạm vi, đối tượng khoáng sản

1. Đặc điểm địa chất vùng

2. Đặc điểm địa chất khoáng sản khu vực

- Các tiền đề, dấu hiệu có liên quan đến đối tượng khoáng sản cần thăm dò.
- Đặc điểm địa chất, chất lượng, quy mô, nguồn gốc khoáng sản trong khu vực thăm dò khoáng sản.
- Mức độ nghiên cứu từng thân quặng, đới khoáng hóa chứa quặng.

CHƯƠNG 3 PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG BẢO VỆ VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG

I. Phạm vi và đối tượng bảo vệ

1. Phạm vi không gian

2. Đối tượng cần bảo vệ

- Xác định đối tượng, số lượng, phạm vi phân bố của đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.
- Cơ quan quản lý đối tượng cần bảo vệ.

II. Phương pháp, công nghệ thăm dò

- Dự kiến phương pháp thăm dò khoáng sản
- Giải pháp công nghệ khi thăm dò nhằm đảm bảo an toàn cho đối tượng thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

III. Nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng

Đánh giá mức độ tác động của phương pháp, giải pháp công nghệ khi thăm dò khoáng sản đến đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

CHƯƠNG 4 ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THĂM DÒ

1. Hiệu quả công tác thăm dò khi không thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.
2. Hiệu quả công tác thăm dò khi thăm dò trong và ngoài khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.
3. Đánh giá hiệu quả công tác thăm dò toàn bộ khu vực thăm dò để sơ bộ lựa chọn phương pháp khai thác (lộ thiên, hầm lò, khác), qua đó đánh giá hiệu quả kinh tế mở.

KẾT LUẬN

- Đánh giá hiệu quả công tác thi công thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản để đưa ra bức trong tổng thể, lựa chọn phương án khai thác phù hợp, hiệu quả.

- Các yêu cầu, kiến nghị, cảnh báo khác.

PHẦN PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢN VẼ VÀ CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản với tỷ lệ thích hợp; trong đó thể hiện ranh giới đề nghị thăm dò, ranh giới đề nghị thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 04 - Phụ lục IIa

*(ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

Số:...../TB-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO

**Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản,
khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản**

Kính gửi: (*tên tổ chức, cá nhân*)

*Căn cứ khoản 3 Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản; sửa đổi, bổ sung tại
khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;*

*Căn cứ ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tại các Văn bản số.....
ngày ... tháng năm về việc.....;*

*Xét đề nghị của (*tên tổ chức, cá nhân đề nghị*) tại Văn bản số/...
ngày..... tháng..... năm..... về việc*

Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận đề... (*tên tổ chức, cá nhân*) ... được lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản (*tên khoáng sản*) trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản tại xã, phường tỉnh, kèm theo Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ với một số thông tin chính như sau:

- Loại khoáng sản khai thác:

- Phương pháp khai thác khoáng sản:(lộ thiên, hầm lò, khác).

- Diện tích dự kiến đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản: ha (km²), trong đó diện tích khai thác khoáng sản nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản là ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định tại phụ lục kèm theo Thông báo này.

2. (*tên tổ chức, cá nhân*) có trách nhiệm:

a) Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về thông tin, số liệu trong Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ.

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) thông báo đề ...*(tên tổ chức, cá nhân)*... biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

-*(Tên tổ chức, cá nhân)*...;
- Cơ quan cấp phép;
- Cơ quan thẩm định hồ sơ;
- Bộ NNMT;
-
- Lưu VT, (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

PHỤ LỤC

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC CHẤP THUẬN KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN TẠI KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN,
KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Thông báo số.....ngày tháng năm của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))*

1. Tọa độ, diện tích khu vực dự kiến đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

2. Tọa độ, diện tích dự kiến khai thác trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

Mẫu số 26d - Phụ lục III

*(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-UBND

Địa danh....., ngày tháng năm...

THÔNG BÁO

**Chấp thuận thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu
vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản**

Kính gửi: (tên tổ chức, cá nhân).....

*Căn cứ khoản 3 Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản; sửa đổi, bổ sung tại
khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng
sản;*

*Căn cứ ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ,.... tại các Văn bản số.....
ngày ... tháng năm về việc.....;*

*Xét đề nghị của (tên tổ chức, cá nhân đề nghị).... tại Văn bản số/...
ngày..... tháng..... năm..... về việc*

Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ của ... (Tên cơ quan thẩm định
hồ sơ)...., Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận đề... (tên tổ chức, cá nhân) ... được lập hồ sơ đề nghị cấp
giấy phép thăm dò khoáng sản (tên khoáng sản) trong khu vực cấm hoạt động
khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản tại xã, phường tỉnh
....., kèm theo Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ
với một số thông tin chính như sau:

- Loại khoáng sản thăm dò:.....

- Diện tích dự kiến đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản:
..... ha (km²), trong đó diện tích thăm dò khoáng sản nằm trong khu
vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản là
..... ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định tại
phụ lục kèm theo Văn bản này.

2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

a) Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định của
pháp luật hiện hành.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về thông tin, số liệu trong

Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ.

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... thông báo đề ... (*Tên tổ chức, cá nhân*) ... biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)...;
- ...;
- Lưu: ... ()

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

PHỤ LỤC

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC CHẤP THUẬN
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG
SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số.....ngày tháng năm của)

1. Tọa độ, diện tích khu vực dự kiến đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

2. Tọa độ, diện tích nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

13. Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản

13.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân (đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III) đề nghị thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

** Trường hợp khu vực đề nghị thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có diện tích khu vực đề nghị thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản chiếm tỷ lệ diện tích lớn nhất.*

** Trường hợp khu vực đề nghị thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản thuộc khu vực biển nằm ngoài ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố; khu vực biển chưa xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển của các tỉnh, thành phố thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại tỉnh có địa giới hành chính gần nhất với vị trí khu vực đề nghị thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản.*

b) Bước 2. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, chấp thuận

Trong thời hạn không quá 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 9 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, chấp thuận bằng văn bản. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

** Trường hợp khu vực đề nghị thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có diện tích địa giới hành chính thuộc diện tích khu vực đề nghị thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản.*

13.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

Bản chính văn bản đề nghị chấp thuận nội dung điều chỉnh đề án thăm dò khoáng sản (Mẫu số 08a - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026) kèm theo báo cáo về các nội dung điều chỉnh trong các trường hợp: Thăm dò vượt quá mức sâu đã xác định trong đề án thăm dò mà có khả năng ảnh hưởng đến các công trình khác dưới sâu trong cùng phạm vi diện tích khu vực thăm dò; Bổ sung số lượng mẫu công nghệ hoặc moong khai thác thử; Điều chỉnh phương pháp thăm dò; giảm khối lượng công tác thăm dò dẫn đến giảm hơn 10% tổng dự toán của đề án thăm dò; Bổ sung phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc thăm dò để đánh giá chất lượng, trữ lượng, tài nguyên khoáng sản khác mới phát hiện trong quá trình thăm dò.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản theo quy định.

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

13.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

13.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận nội dung điều chỉnh đề án thăm dò khoáng sản.

13.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị chấp thuận nội dung điều chỉnh đề án thăm dò khoáng sản (Mẫu số 08a - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được bổ sung theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026).

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Trường hợp thăm dò vượt quá mức sâu đã xác định trong đề án thăm dò mà có khả năng ảnh hưởng đến các công trình khác dưới sâu trong cùng phạm vi diện tích khu vực thăm dò, tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò phải báo cáo cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền để xem xét, chấp thuận phải bổ sung khối lượng, hạng mục công việc thi công (thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản) trong các trường hợp sau:

- Bổ sung số lượng mẫu công nghệ hoặc moong khai thác thử;

- Điều chỉnh phương pháp thăm dò; giảm khối lượng công tác thăm dò dẫn đến giảm hơn 10% tổng dự toán của đề án thăm dò;

- Bổ sung phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc thăm dò để đánh giá chất lượng, trữ lượng, tài nguyên khoáng sản khác mới phát hiện trong quá trình thăm dò.

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;

- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

Mẫu số 08a - Phụ lục I

*(ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH
ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: *(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Được phép thăm dò *(tên khoáng sản)*..... tại xã,
tỉnh..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng
..... năm của *(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm
quyền)*.....

Căn cứ quy định tại khoản ... Điều Nghị định số ngày ... của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng
sản,*(Tên tổ chức, cá nhân)*..... đề nghị *(Tên cơ quan nhà nước,
người có thẩm quyền)* điều chỉnh phương pháp, khối lượng của đề án thăm dò
khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng
..... năm của *(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền)* như
sau:

Điều chỉnh, bổ sung..... *(nêu cụ thể các phương pháp, khối
lượng hạng mục công việc đề nghị điều chỉnh hoặc bổ sung)*.

*(Báo cáo đề nghị điều chỉnh hoặc bổ sung phương pháp, khối lượng của đề
án thăm dò khoáng sản và các tài liệu, bản vẽ minh chứng kèm theo)*

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)* cam kết thực hiện đúng quy định của
pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO

ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/BỔ SUNG PHƯƠNG PHÁP/ KHỐI LƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo văn bản đề nghị chấp thuận điều chỉnh nội dung đề án thăm dò khoáng sản ngày ... tháng ... năm ... của ... (tên tổ chức, cá nhân)...)

I. Kết quả thi công công tác thăm dò đến thời điểm báo cáo

- Khái quát nội dung Đề án thăm dò (đối tượng, phạm vi, mục tiêu nhiệm vụ, các phương pháp áp dụng, khối lượng thi công công tác thăm dò của đề án);
- Tóm tắt kết quả thi công đề án đến thời điểm báo cáo và vấn đề còn tồn tại. Cập nhật kết quả thi công trên các sơ đồ, bản vẽ thi công.

II. Cơ sở tài liệu đề nghị điều chỉnh phương pháp/khối lượng công tác thăm dò hoặc đề nghị bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản

- Nêu cơ sở tài liệu của việc đề nghị điều chỉnh phương pháp/khối lượng công tác thăm dò hoặc đề nghị bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản.
- Trình bày các dạng công tác đề nghị điều chỉnh/bổ sung cần thực hiện.

Bảng khối lượng hạng mục công việc đề nghị điều chỉnh/bổ sung:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng theo đề án	Khối lượng đề nghị điều chỉnh/thi công bổ sung	Thời gian thực hiện dự kiến (ngày/tháng)	Ghi chú

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

14. Chấp thuận nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

14.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1. Nộp hồ sơ (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia phải lập hồ sơ đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

b) Bước 2. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ

Trong thời gian 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ khi thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, cơ quan thẩm định hồ sơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công thực hiện thẩm định hồ sơ đánh giá mức độ ảnh hưởng.

c) Bước 3. Xem xét, chấp thuận và trả kết quả

Trong thời gian 05 ngày làm việc, sau khi nhận được các ý kiến có liên quan (nếu có), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến bằng văn bản về nội dung quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật Địa chất và khoáng sản (nội dung gồm: tổng quan khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ trong diện tích dự án, gồm mức độ điều tra địa chất về khoáng sản; hiện trạng tài nguyên, trữ lượng và thực trạng hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản (nếu có); đánh giá mức độ tác động của hoạt động của dự án đầu tư đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng đối với loại khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ; xác định rõ hạng mục công trình có thể tác động trực tiếp đến khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ khoáng sản; giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ nằm trong diện tích dự án; cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong phạm vi dự án đầu tư) và thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả.

14.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;

- Bản chính báo cáo đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khoáng sản dự trữ với các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật Địa chất và khoáng sản (nội dung gồm: Tổng quan khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ trong diện tích dự án, gồm mức độ điều tra địa chất về khoáng sản; hiện trạng tài nguyên, trữ lượng và thực trạng hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản (nếu có); Đánh giá mức độ tác động của hoạt động của dự án đầu tư đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng đối với loại khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ; xác định rõ hạng mục công trình có thể tác động trực tiếp đến khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ khoáng sản; Giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ nằm trong diện tích dự án; Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong phạm vi dự án đầu tư).

- Bản chính bản đồ hiện trạng khu vực thực hiện dự án đầu tư, thể hiện ranh giới, vị trí các hạng mục công trình có khả năng tác động đến khoáng sản dự trữ, tỷ lệ tối thiểu 1:10.000;

- Bản sao hợp lệ các tài liệu pháp lý liên quan đến dự án đầu tư, bao gồm: Báo cáo nghiên cứu liên khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quy hoạch liên quan đến dự án đầu tư (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

14.4. Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (thời hạn giải quyết không tính thời gian lấy ý kiến).

14.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

14.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Cơ quan thẩm định hồ sơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công.

14.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản ý kiến về nội dung quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật Địa chất và khoáng sản.

14.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

14.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản.